



*We support you!*

Thói quen, hoạt động thường ngày  
**I/you/we/they + V**  
**He/she/ it + V s/es**

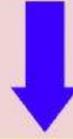


I watch TV **every day**.  
She **often** watches TV.  
He eats soup **twice a day**.



Nói về chuyện **ĐÃ** xảy ra  
(hôm qua, ngày trước, tuần trước,...)  
**S + V-ed hoặc em thứ 2**

V-ed: played, watched, chatted,..  
Em thứ 2: eat-> ate (ate là em, eat là anh)



I watched TV **yesterday**.  
She played badminton **last Monday**.  
He ate chicken soup **last week**.



Khi kể về hành  
động đã xảy ra,  
nhớ đổi sang  
động từ "em"  
nhé



## ANH

## EM

go	→	went
do	→	did
have	→	had
eat	→	ate
sing	→	sang
drink	→	drank
see	→	saw
swim	→	swam



Okay, giờ mình cùng luyện tập cách sử dụng qua câu chuyện dưới đây nhé



I eat/ ate bread.



I play/played with friends.



I chat/chatted with Giang.



I go/went to Phu Quoc Island.



**Yesterday, I....**



I enjoy/enjoyed the party.

**LIVELIVEWORKSHEETS**

Điền động từ đúng vào ô trống (xem lại bảng anh- em ở trang 2)

1. What did you eat yesterday?

(Bạn đã ăn gì ngày hôm qua?)

=> I \_\_\_\_\_

3. What did you do last week?

=> I \_\_\_\_\_ karaoke.

4. What did you do last Holiday?

=> I \_\_\_\_\_ in the sea .

2. What subjects did you have last Monday?

=> I \_\_\_\_\_ (Mình có môn khoa học)



last Monday



last week



yesterday



last holiday